

-Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/9/1994; Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01/01/1999 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 01/01/1999 (03 con đã trưởng thành).

-Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn- bà Nguyễn Thị Hồng Đ tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà xác định quá trình vợ chồng chung sống và kết hôn đúng như ông D trình bày. Từ trước năm 2014 và cho đến nay chồng bà thường hay đi làm xa nhà mỗi tháng về nhà 1, 2 hoặc 3 lần; mỗi lần về nhà vợ chồng có khi chung sống, có khi không chung sống nhưng vợ chồng chung sống không có gì mâu thuẫn, bà chấp nhận cuộc sống như vậy, bà không muốn ly hôn trong thời gian này do mẹ chồng đang bệnh nằm bệnh viện, các con chưa ổn, đang học dở dang sợ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con và các con không đồng ý cha mẹ ly hôn. Nay ông D yêu cầu xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn Trang, sinh ngày 13/9/1994; Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 01/01/1999 và Nguyễn Trung Đức, sinh ngày 01/01/1999 (03 con đã trưởng thành).

-Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa ông D trình bày : Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 1999, ông đã ly thân không còn chung sống với bà Đ từ năm 2014, nhưng chờ các con lớn ông mới ly hôn. Từ năm 2014 đến nay ông cư trú tại nhà số 20 hẻm C12 đường Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; còn bà Đ cư trú tại nhà 83/23 N Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các con, từ khi kết hôn đến nay ông thường xuyên đi làm xa, mỗi tháng chỉ về nhà 1 hoặc 2 lần, mỗi lần về ở nhà 1 hoặc 3 ngày là đi, mỗi lần ông về thăm nhà chỉ để thăm con và chu cấp tiền cho con ăn học chứ không chung sống với bà Đ, vì vậy nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho ly hôn với bà Đ.

Tại phiên tòa bị đơn- bà Đ trình bày: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì để phải ly hôn, hiện nay bà cư trú tại số 83/23 N đường Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cùng 3 con chung, vì các con chưa ổn, đang học dở dang sợ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con và các con không đồng ý cha mẹ ly hôn, nên nay ông D yêu cầu xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà Đ đã trầm trọng, vợ chồng ly thân, không còn chung sống đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của ông D có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D.

Về con chung: 03 con chung đã trưởng thành, không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông D và bà Đ khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42/1993 do Ủy ban nhân dân phường Đông Hải, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/6/1993 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay ông D yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn - bà Đ hiện đang cư trú tại địa chỉ 83/23 N Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của ông D, Hội đồng xét xử xét thấy :

Căn cứ biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa ông D xác định : Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 1999, ông đã ly thân không còn chung sống với bà Đ từ năm 2014 đến nay nhưng chờ các con lớn ông mới ly hôn. Từ năm 2014 đến nay ông cư trú tại nhà số 20 hẻm C12 đường Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; còn bà Đ cư trú tại nhà 83/23 N Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các con, lâu lâu ông về thăm nhà chỉ để thăm con và chu cấp tiền cho con ăn học chứ không chung sống với bà Đ.

Xét thấy từ khi kết hôn đến nay ông D thường xuyên đi làm xa nhà, thời gian chung sống ở nhà với bà Đ rất ít; căn cứ Đơn xác nhận của Công an phường 13, quận Tân Bình với nội dung: “Anh Nguyễn Trung D, SN 1966 hiện đang cư trú tại 20 hẻm C12 đường Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình”

đồng thời căn cứ vào sổ hộ khẩu xác định bà Đ cùng 03 con chung đã chuyển hộ khẩu về thường trú tại nhà số 83/23 N Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 10/5/2016 đến nay. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy lời khai của ông D về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng cũng như quá trình ly thân không còn chung sống giữa ông D và bà Đ là có thật, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và với thực tế, điều này chứng minh vợ chồng ly thân không còn chung sống trong một nhà đã nhiều năm từ năm 2016 khi bà Đ chuyển hộ khẩu về cư trú 83/23 N Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đến nay.

Mặt khác vào tháng 8/2018 ông D đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng đến ngày 20/11/2018 rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn và ông D đã tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn lần thứ 2.

Xét yêu cầu bà Đ không đồng ý ly hôn trong thời gian này do mẹ chồng đang bệnh nằm viện, các con chưa ổn, đang học dở dang sợ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến các con và các con không đồng ý cha mẹ ly hôn. Xét yêu cầu này của bà Đ không phù hợp với quy định pháp luật nên không có cơ sở để xem xét.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông D và bà Đ là lớn, trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn, giải quyết được mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn chung sống đã nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được do đó, yêu cầu ly hôn của ông D đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D.

[3] Về án phí: Ông D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trung D.

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Trung D được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/9/1994; Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01/01/1999 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 01/01/1999. Tất cả con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông D và bà Đ khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Trung D chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0016912 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Dũng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Trung D và bà Nguyễn Thị Hồng Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú